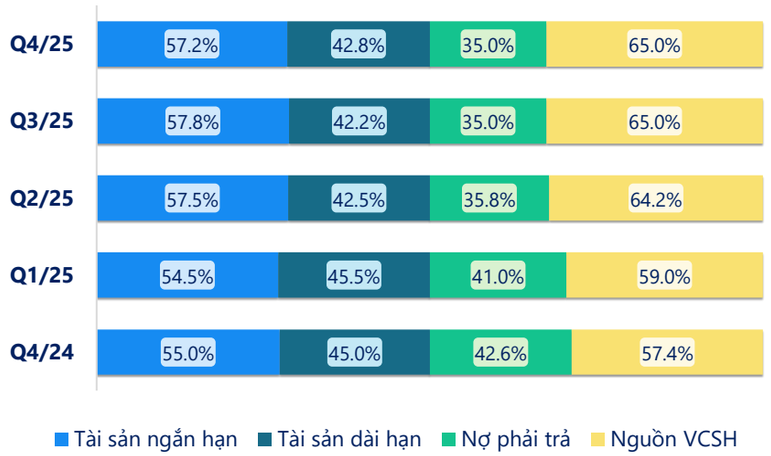
FireAnt

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,910
SL cổ phiếu LH	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	96,420
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,329
P/E	24.9
EPS	556

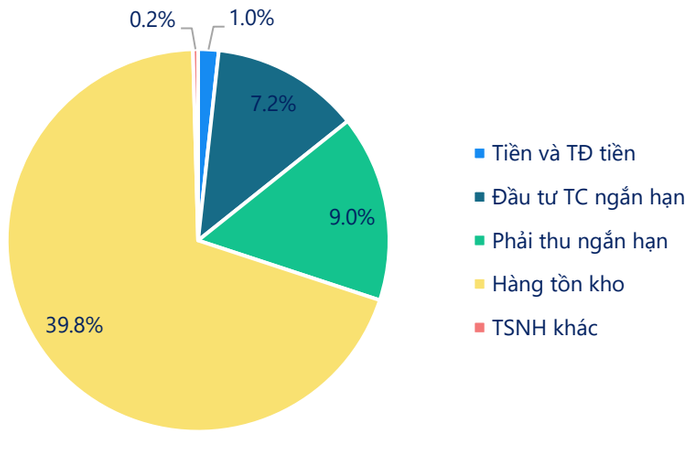
	YTD	1T	3T	6T
ITC	25.9%	-2.8%	-2.5%	-6.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



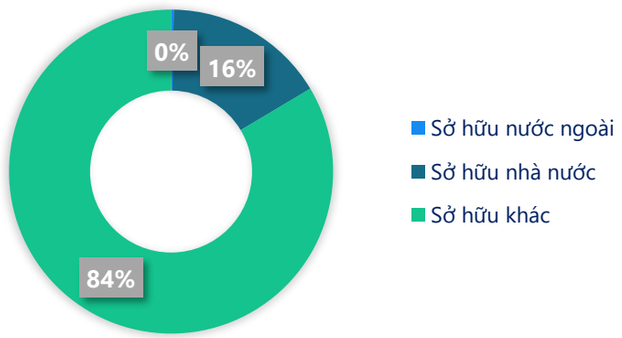
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



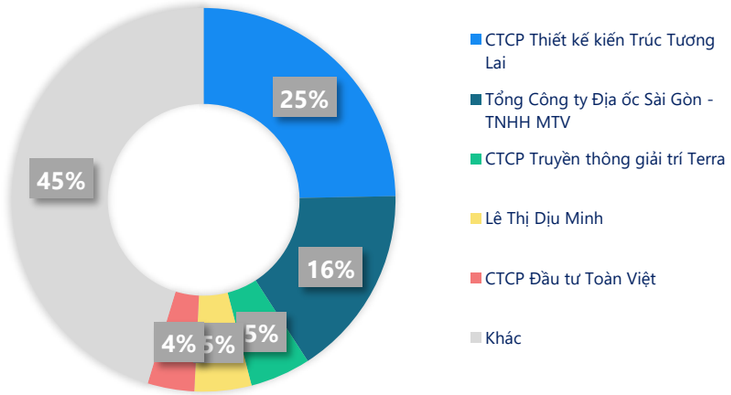
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



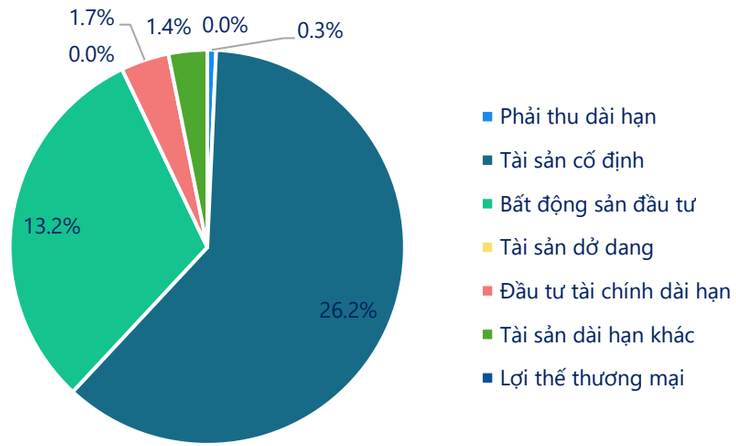
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

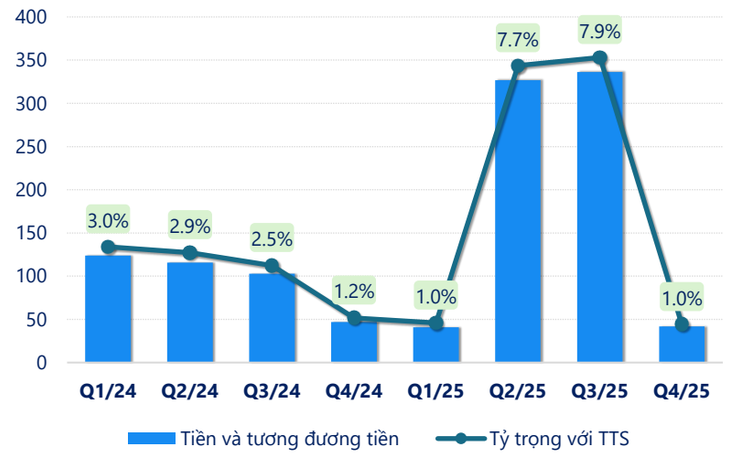


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

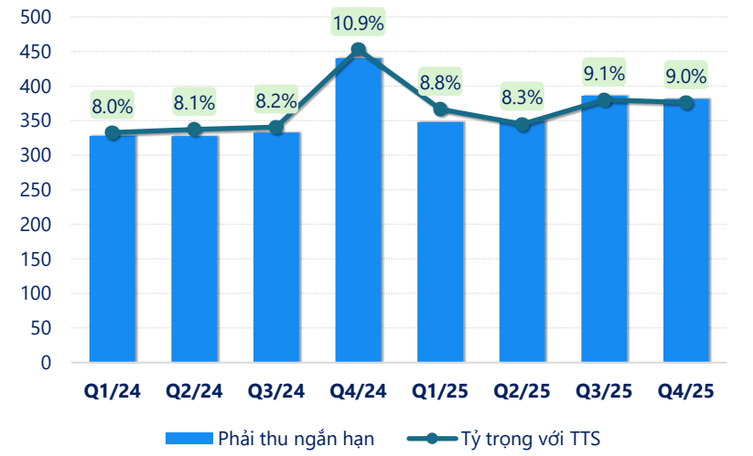
CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



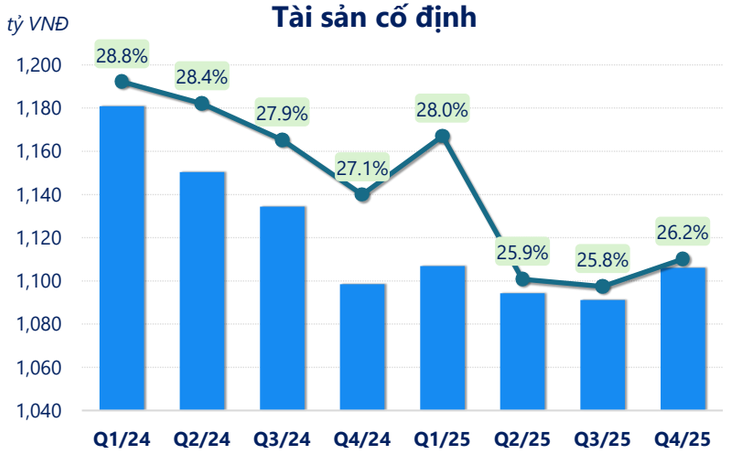
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



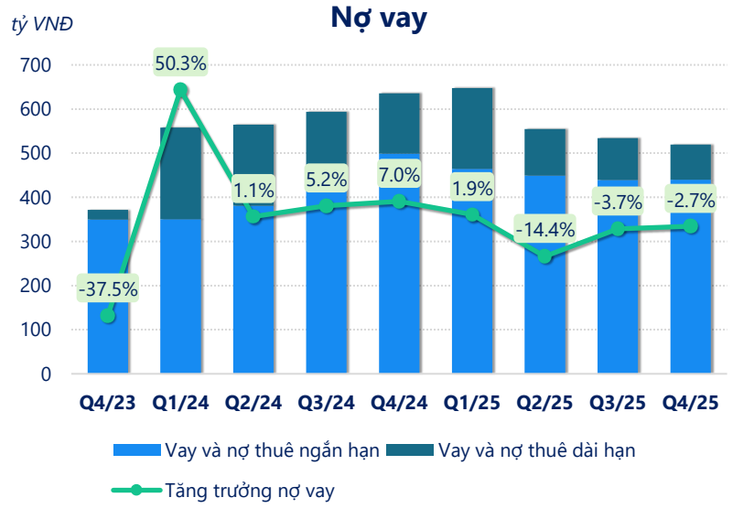
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



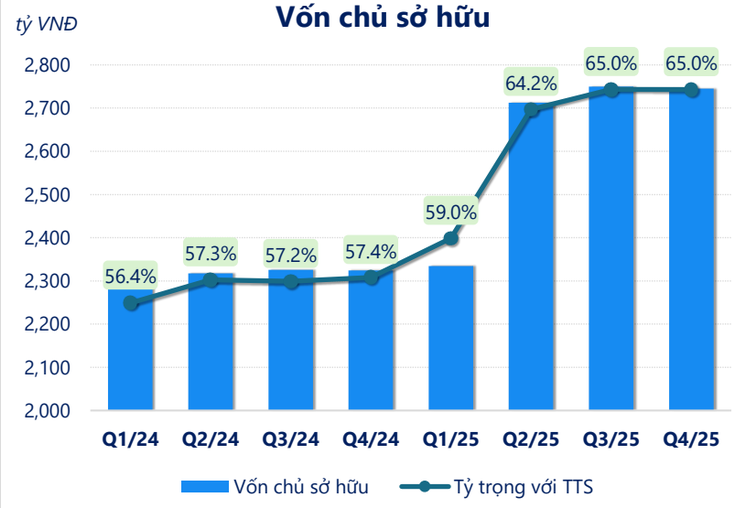
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

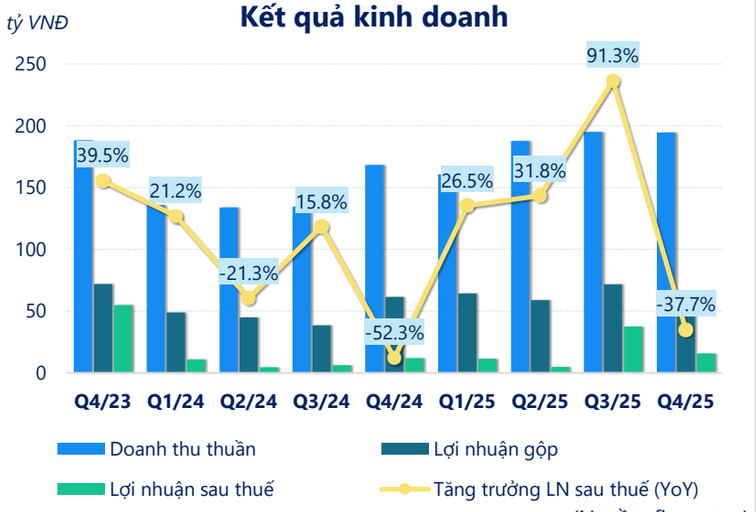


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

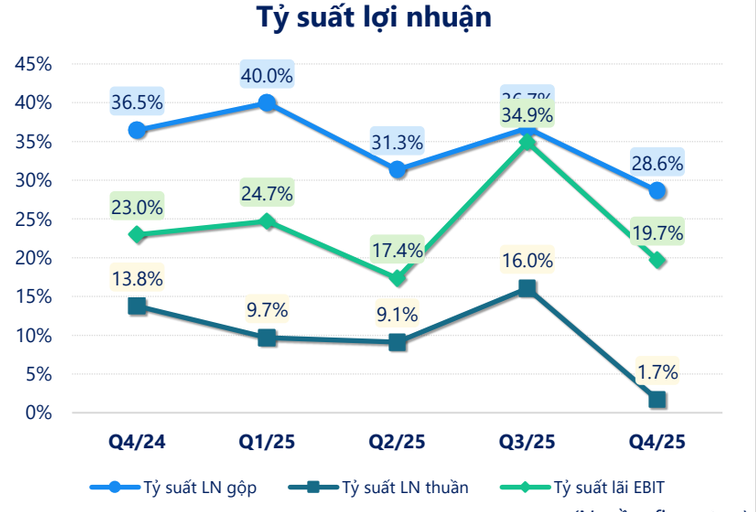
CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

Kết quả kinh doanh



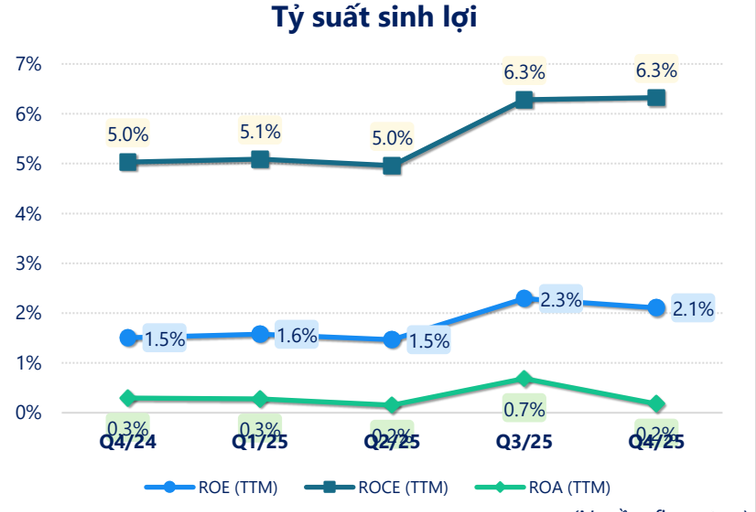
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



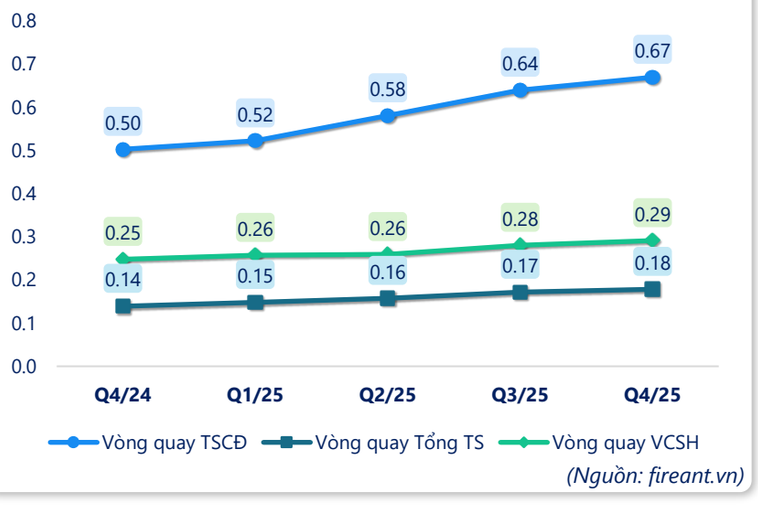
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



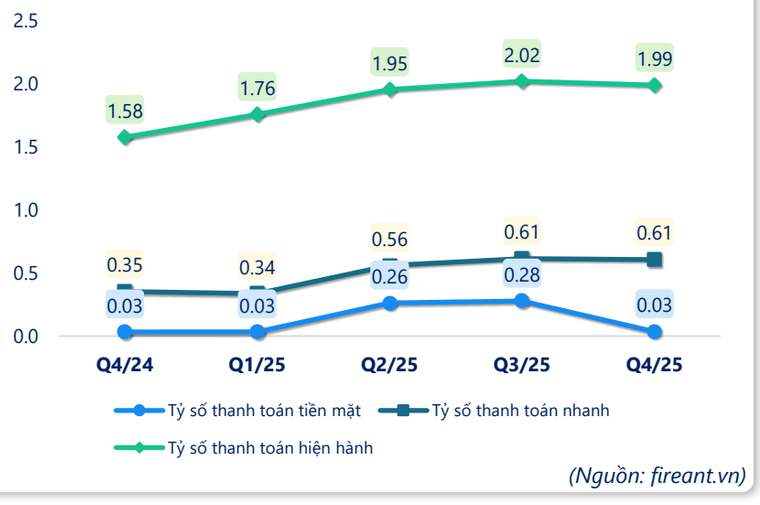
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



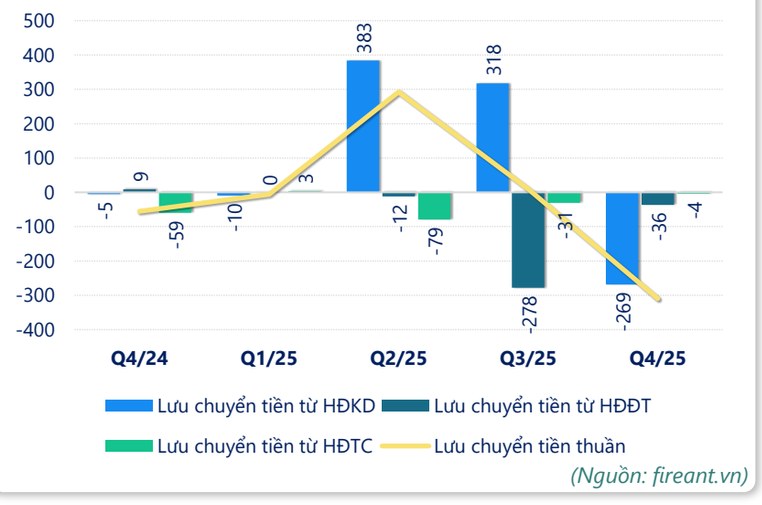
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,223**	**3,988**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,416	2,165	11.6%
Tiền và tương đương tiền	41.9	40.5	3.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	303	6.40	4638%
Phải thu ngắn hạn	381	374	2.0%
Hàng tồn kho	1,679	1,732	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	11.9	-12.0%
Tài sản dài hạn	**1,807**	**1,823**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	13.0	19.9	-34.8%
Tài sản cố định	1,106	1,108	-0.2%
Bất động sản đầu tư	560	587	-4.7%
Tài sản dở dang	0	2.16	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	61.2	16.4%
Tài sản dài hạn khác	**57.1**	**44.9**	**27.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,478	1,666	-11.3%
Nợ ngắn hạn	**1,215**	**1,306**	**-7.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	440	445	-1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	104	121	-14.2%
Nợ dài hạn	263	359	-26.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	79.3	185	-57.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,745**	**2,323**	**18.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,745**	**2,323**	**18.2%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	168	161	188	195	194
Giá vốn hàng bán	107	96.4	129	123	139
Lợi nhuận gộp	61.3	64.2	58.8	71.6	55.6
Doanh thu HĐTC	0.06	0.01	0.07	3.77	3.91
Chi phí TC	19.0	24.4	16.7	19.5	19.3
Chi phí lãi vay	17.2	21.4	18.6	19.5	19.2
LN trong công ty LKLD	0	0	-0.57	0	0
Chi phí bán hàng	4.14	5.46	4.55	4.18	9.63
Chi phí QLDN	15.1	18.7	19.9	20.4	27.4
LN thuần từ HĐKD	23.1	15.5	17.1	31.3	3.31
Lợi nhuận khác	-1.77	2.70	-3.11	17.2	15.7
LN trước thuế	21.4	18.2	14.0	48.5	19.0
Lợi nhuận sau thuế	11.8	11.4	4.87	37.4	15.6
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	11.2	6.34	28.5	7.28

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.00	-9.60	383	318	-269
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.58	0.01	-12.1	-278	-36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-59.3	3.41	-79.0	-30.6	-4.44
Tiền đầu kỳ	103	46.9	40.8	327	336
Lưu chuyển tiền thuần	**-55.8**	**-6.18**	**292**	**9.44**	**-309**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	0.09
Tiền cuối kỳ	47.0	40.8	327	336	41.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic